

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016
kèm theo
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 - ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82 Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 08 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của hội đồng quản trị và Ban giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
<i>Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2016</i>	6 - 7
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016</i>	8
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016</i>	9
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016</i>	10 - 47

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Báo cáo của Ban giám đốc

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Dược HAI trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016.

Khái quát chung về Công ty Cổ phần Nông Dược HAI

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Bảo vệ thực vật II trực thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quyết định số 2616/QĐ/BNN- TCCB ngày 30/08/2004 của Thủ tướng chính phủ.

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI ("Công ty"), là Công ty Cổ Phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301242080 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2005 thay đổi gần nhất lần thứ 15 ngày 11 tháng 09 năm 2015.

Công ty có trụ sở tại: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

1 Ông Doãn Văn Phương	CTHĐQT
2 Ông Quách Thành Đồng	Tổng Giám Đốc/ Ph. CTHĐQT
3 Ông Lê Thành Vinh	Ủy viên
4 Ông Ngô Văn Thu	Ủy viên
5 Ông Lê Văn Säck	Ủy viên
6 Bà Nguyễn Bình Phương	Ủy viên

Ban Giám đốc:

1 Ông Quách Thành Đồng	Tổng Giám đốc
2 Ông Ngô Văn Thu	Phó Tổng Giám đốc
3 Ông Nguyễn Huỳnh Đăng	GD Tài chính - KTT (miễn nhiệm ngày 1/4/2016)
4 Ông Phạm Thanh Vương	PGĐ- Quyền Kế toán trưởng (bỏ nhiệm ngày 1/4/2016)

Ban Kiểm soát:

1 Ông Nguyễn Thiện Phú	Trưởng ban
2 Ông Đoàn Văn Cường	Thành viên
3 Ông Trần Thế Anh	Thành viên

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đại diện cho

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI



Tổng Giám đốc

Quách Thành Đồng

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn

Website: www.cpahanoi.com



Số: 158 /2016/CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty Cổ phần Nông Dược HAI

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 kèm theo của Công ty Cổ phần Nông Dược HAI được lập ngày 25/07/2016 và trình bày từ trang 06 đến trang 47 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Dược HAI chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán, được lập thành 09 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau Công ty cổ phần Nông Dược HAI giữ 08 bản, Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Tổng Giám đốc


Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy CNDKHNKT số: 0132-2013-016-1



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,582,406,693,390	2,043,987,153,925
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	34,261,891,066	22,493,429,896
1.Tiền	111		24,241,891,066	22,493,429,896
2.Các khoản tương đương tiền	112		10,020,000,000	
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5,000,000,000	287,500,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	5,000,000,000	287,500,000,000
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		561,884,489,439	760,276,926,495
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	521,813,660,559	714,374,137,190
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	56,107,902,465	32,057,365,062
3.Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.1	8,253,783,432	38,136,281,260
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(26,478,100,155)	(26,478,100,155)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6.3	2,187,243,138	2,187,243,138
IV.Hàng tồn kho	140	V.7	920,525,617,984	917,784,520,858
1.Hàng tồn kho	141		920,525,617,984	917,784,520,858
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		60,734,694,901	55,932,276,676
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.1	10,224,434,308	3,025,516,971
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		50,463,605,984	52,846,198,796
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	V.14.2	46,654,609	60,560,909
B.TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	200		471,288,595,169	120,665,682,300
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		10,000,000	10,000,000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6.2	10,000,000	10,000,000
II.Tài sản cố định	220		107,742,064,277	107,108,276,124
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	47,167,646,815	45,766,940,142
- Nguyên giá	222		79,069,202,610	74,888,150,339
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(31,901,555,795)	(29,121,210,197)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	60,574,417,462	61,341,335,982
- Nguyên giá	228		73,762,212,001	73,762,212,001
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(13,187,794,539)	(12,420,876,019)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23,784,539,916	1,201,692,397
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	23,784,539,916	1,201,692,397
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		324,932,550,000	1,158,300,000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.3	53,351,540,000	2,249,390,000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.3	(418,990,000)	(1,091,090,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2.2	272,000,000,000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14,819,440,976	11,187,413,779
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.2	7,545,585,293	3,713,402,068
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.18a	625,438,896	456,238,436
3. Lợi thế thương mại	269	V.11.3	6,648,416,787	7,017,773,275
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,053,695,288,559	2,164,652,836,225

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAIĐịa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM
Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		736,462,291,276	870,827,471,656
I. Nợ ngắn hạn	310		720,125,557,137	870,552,455,867
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	135,025,633,805	356,093,044,799
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18,109,591,418	103,084,226
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.1	17,723,304,631	11,989,052,055
4. Phải trả người lao động	314		3,723,713,905	6,827,161,803
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3,019,572,385	2,972,530,214
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	15,712,574,717	6,181,993,863
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	4,149,251,559	2,644,485,467
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12.1	513,219,848,311	479,527,278,197
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9,442,066,406	4,213,825,243
II. Nợ dài hạn	330		16,336,734,139	275,015,789
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12.2	16,000,000,000	
2. Thuế TN hoãn lại phải trả	341	V.18b	336,734,139	275,015,789
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,317,232,997,283	1,293,825,364,569
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	1,317,232,997,283	1,293,825,364,569
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,172,993,140,000	1,172,993,140,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,172,993,140,000	1,172,993,140,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36,964,490,021	36,964,490,021
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28,256,485,197	18,466,264,723
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		79,018,882,065	65,401,469,825
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		48,407,545,614	35,347,953,443
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		30,611,336,451	30,053,516,382
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,053,695,288,559	2,164,652,836,225

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Út

Q.Kế toán trưởng

Phạm Thanh Vương

Hà Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



Quách Thành Đồng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	635,109,570,530	820,364,226,298
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	33,561,600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		635,109,570,530	820,330,664,698
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	534,823,139,638	717,893,724,827
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		100,286,430,892	102,436,939,871
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	16,383,268,235	20,461,531,662
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	16,300,407,633	13,541,440,508
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		16,861,848,890	8,631,614,154
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	58,193,803,587	59,757,857,932
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	11,801,699,751	17,793,807,311
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30,373,788,156	31,805,365,782
11. Thu nhập khác	31	VI.8	7,880,685,213	8,571,269,500
12. Chi phí khác	32	VI.9	338,209,146	6,970,704,614
13. Lợi nhuận khác	40		7,542,476,067	1,600,564,886
14. Lãi/lỗ trong công ty liên kết liên doanh			-	(390,217,687)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37,916,264,223	33,015,712,981
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	7,413,408,450	8,523,190,989
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(108,341,838)	(34,949,102)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		30,611,197,611	24,527,471,094
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	261	470

Người lập biểu



Đỗ Thị Ngọc Út

Q.Kế toán trưởng



Phạm Thanh Vượng

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



Quách Thành Đồng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1	2	3	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		873,628,270,108	545,781,856,727
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(829,048,128,005)	(1,132,448,540,707)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(24,177,887,611)	(17,933,580,249)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(17,017,237,763)	(8,695,177,154)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2,381,868,770)	(12,248,611,126)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	VII.1	36,911,689,089	32,114,408,820
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	VII.2	(47,712,341,496)	(49,288,547,548)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9,797,504,448)	(642,718,191,237)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(43,897,188,010)	(5,904,081,140)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		21,128,677	152,957,172
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(640,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(323,102,150,000)	(156,500,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		294,036,170,000	543,092,925,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44,814,496,310	681,210,829
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(28,127,543,023)	(258,476,988,139)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	840,414,662,500
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		552,627,461,723	457,175,807,272
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(502,932,648,818)	(376,476,557,714)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		49,694,812,905	921,113,912,058
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		11,769,765,434	19,918,732,682
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22,493,429,896	18,920,080,834
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(1,304,264)	3,504,780
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		34,261,891,066	38,842,318,296

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Út

Đỗ Thị Ngọc Út

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016

Q.Kế toán trưởng

Phạm Thanh Vương

Phạm Thanh Vương



Quách Thành Đồng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Bảo vệ thực vật II trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quyết định số 2616/QĐ/BNN - TCCB ngày 30/08/2004 của Thủ tướng chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 030124080 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/02/2005 và đăng kí thay đổi lần thứ 15 ngày 11 tháng 09 năm 2015

Công ty có trụ sở tại: 28 Mạc Đĩnh Chi, P Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 1.172.993.140.000 đồng

Bằng chữ: Một nghìn một trăm bảy mươi hai tỷ chín trăm chín mươi ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

2 Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ

3 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất hóa chất cơ bản.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết : mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón. Mua, bán thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán hạt nhựa
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nito
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp : chi tiết sản xuất giống cây trồng.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, Chi tiết : mua bán giống cây trồng, hạt giống, cung cấp giống cây trồng.
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp, Chi tiết : Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.
- Trồng lúa.
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác
- Trồng cây lấy sợi
- Trồng cây có hạt chứa dầu
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Trồng cây ăn quả, trồng cây điều, trồng cây hồ tiêu, trồng cà phê, cây gia vị, cây dược liệu.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Chi tiết cho thuê kho, văn phòng, kinh doanh bất động sản
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : cho thuê máy móc thiết bị sản xuất ngành nông dược.
- Cho thuê xe có động cơ, Chi tiết : cho thuê xe tải.
- Quảng cáo, chi tiết, dịch vụ quảng cáo thương mại.
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. Chi tiết : dịch vụ nghiên cứu thị trường.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, chi tiết : dịch vụ tiếp thị.

Các chi nhánh của công ty:

Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI tại Đồng Nai

Địa chỉ : ấp Trần Cao Vân xã Bàu Hàm 2, huyện Thống nhất, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Thừa Thiên Huế

Địa chỉ : 606 Lê Duẩn, phường Phú Thuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Vĩnh Long

Địa chỉ : Tổ 33, ấp Long Thuận, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Kiên Giang

Địa chỉ : số 97A, ấp Phước Ninh, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Tiền Giang

Địa chỉ : Km 1990, quốc lộ 1, ấp Mỹ Cần, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Nghệ An

Địa chỉ : số 19, đường Nguyễn Tiềm, khối 11, phường Đội Cung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Sóc Trăng

Địa chỉ : ấp Tân Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - An Giang

Địa chỉ : ấp Hòa Phú 1, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Cần Thơ

Địa chỉ : Lô 30A4 khu công nghiệp Trà Nóc I, P Trà Nóc, Q Bình Thủy, TP Cần Thơ, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Hà Nội

Địa chỉ : Phòng 2404 nhà 24T1 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Q Cầu Giấy, Hà Nội, VN

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Đồng Tháp

Địa chỉ : số 407 Nguyễn Trãi, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Lâm Đồng

Địa chỉ : số 25A, tổ 10 thôn Phi Nôm, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Sơn La

Địa chỉ : Tiểu khu 3, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Đắk Lắk

Địa chỉ : Số 472, đường Võ Văn Kiệt, P Khánh Xuân, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Thanh Hóa (thành lập ngày 07/05/2015)

Địa chỉ : 07/775 Nguyễn Trãi, Phường Phú Sơn, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Các công ty con :

Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.

Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.

Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán :

Trước đây kỳ kế toán của đơn vị từ ngày 01/10 năm trước đến 30/09 năm sau

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Kỳ kế toán chuyển đổi là kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2015 đến 31/12/2015

Kể từ năm 2016 đơn vị thực hiện kỳ kế toán từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch. Đây là Báo cáo tài chính giữa niên độ nên kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016.

Đây là Báo cáo tài chính giữa niên độ nên kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016.

2. Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư

- số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thông tư thay đổi bổ sung kèm theo.
- Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty cổ phần Nông Dược HAI, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán:

a Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
- + Tỷ giá giao dịch khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
- + Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

b Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

c Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán:

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:

+ Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.

+ Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí nhận trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước.

+ Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.

+ Tài khoản loại vốn chủ sở hữu.

+ Bên Nợ các tài khoản phải thu; Bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền; Bên Nợ các tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả tiền trước cho người bán.

+ Bên Có các tài khoản phải trả; Bên Có các tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua.

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:

+ Bên Có các tài khoản phải thu (ngoại trừ trường hợp giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hoá, TSSCD, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các tài khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước.

+ Bên Nợ các tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hoá, TSSCD, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

+ Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch đối với các đối tượng đó.

- Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở Bên Có các tài khoản tiền.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp....

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính***

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 -50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6- 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - 5 năm

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Tài sản cố định vô hình

3 - 50 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

7 Nguyên tắc kế toán các hợp đồng, hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia có thể thoả thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng cho hoạt động hợp tác kinh doanh, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức tài sản đồng kiểm soát mỗi bên tham gia được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động này bên nào bỏ ra bên đó gánh chịu. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thoả thuận trong hợp đồng để phân chia cho các bên góp vốn.

8 Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuê thu nhập hoãn lại và nợ thuê thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuê thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuê thu nhập hoãn lại và nợ thuê thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm
 - Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
 - Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều kỳ kế toán.
 - Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều kỳ kế toán.
 - Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn, doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và phân bổ tối đa không quá 3 năm
- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.
- Trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn tới quan hệ công ty mẹ - công ty con có phát sinh lợi thế thương mại hoặc khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước có phát sinh lợi thế kinh doanh.
- Các khoản chi phí trả trước khác phụ vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

10 Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

11 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

12 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ngoài ra chi phí phải trả còn phản ánh các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước như:

Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ.

Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau.

Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hoá, thành phẩm bất động sản đã bán.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể. Các khoản này được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả này thường được ước tính và có thể chưa xác định được chắc chắn số sẽ phải trả. Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hoá, hàng hoá dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Các trích trước được phản ánh vào dự phòng phải trả được ,như:

Chi phí sửa chữa lớn của những tài sản đặc thù do việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, doanh nghiệp được phép trích trước chi phí sửa chữa lớn cho năm kế hoạch hoặc một số năm tiếp theo.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng, tái cơ cấu;

Các khoản dự phòng phải trả khác.

15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống... Không hạch toán vào doanh thu chưa thực hiện các khoản :

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ;

16 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:
 - + Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.
 - + Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ...

Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

18 Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được coi là sự kiện cần được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước sau điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

19 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ được ghi giảm giá vốn hàng bán.

20 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

21 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

22 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.

Hoàn lại tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	4,892,225,423	1,185,568,143
<i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>	4,620,116,333	990,756,755
<i>Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.</i>	18,167,881	51,581,907
<i>Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.</i>	210,452,997	116,497,879
<i>Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An</i>	43,488,212	26,731,602
Tiền gửi Ngân hàng	19,349,665,643	21,307,861,753
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	19,315,471,610	16,464,374,455
<i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>	17,201,029,088	14,836,763,912
<i>Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.</i>	49,241,384	265,132,003
<i>Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.</i>	1,367,786,641	301,109,040
<i>Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An</i>	697,414,497	1,061,369,500
Tiền gửi Ngân hàng ngoại tệ	34,194,033	4,843,487,298
<i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>	31,352,174	4,840,613,272
<i>Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.</i>	2,319,654	2,319,654
<i>Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An</i>	522,205	554,372
- Tiền đang chuyển		
- Các khoản tương đương tiền	10,020,000,000	-
<i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>	10,020,000,000	
Cộng	34,261,891,066	22,493,429,896

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
2.1	Ngắn hạn	5,000,000,000	287,500,000,000
	Đầu tư vào các bên liên quan		
	Đầu tư khác - Cty CP ĐT địa ốc ALASKA (1)	-	287,500,000,000
	Đầu tư vào các bên không liên quan		287,500,000,000
	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở giao dịch 2 (2)	5,000,000,000	-
2.2	Đầu tư dài hạn:	272,000,000,000	-
	Đầu tư vào các bên không liên quan	272,000,000,000	-
	Đầu tư khác - Công ty CP đầu tư và TM SCO (3)	272,000,000,000	-
Cộng		277,000,000,000	287,500,000,000

(1): Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015//HDKT/ALASKA - HAILAND ngày 10/3/2015, hợp đồng hợp tác đầu tư này để thực hiện đầu tư, xây dựng và khai thác dự án khu chức năng đô thị Đại Mỗ tại tổ dân phố Thập, phường Đại Mỗ, Quận Từ Liêm, TP Hà Nội. Hợp đồng đã được tất toán trong kỳ.

(2): Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 81.15.103.2355569.TG.CIB ngày 18/8/2015, kỳ hạn gửi: 06 tháng, lãi suất: 5,4%/năm.

(3): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2106 ngày 21/06/2016; số 2206 ngày 22/06/2016; số 2306 ngày 23/06/2016; số 2406 ngày 24/06/2016; số 2506 ngày 25/06/2016; số 2606 ngày 26/06/2016; số 2706 ngày 27/06/2016; số 2806 ngày 28/06/2016, hợp đồng này có thời hạn là 36 tháng kể từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017. Lãi suất hợp tác cố định là 7%/ năm thanh toán hàng tháng hoặc cuối thời hạn hợp tác.

3. Các khoản đầu tư tài chính

TT	Đầu tư vào đơn vị khác	Số cuối kỳ				Số đầu kỳ			
		SLCP	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ QSH	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
1	Công ty CP Bảo vệ thực vật Sài Gòn	71,500	2,249,390,000	(418,990,000)	1,830,400,000	71,500	2,249,390,000	(1,091,090,000)	1,158,300,000
2	Công ty CP Hóa chất và vật tư khoa học kỹ thuật (1)	340,681	51,102,150,000	-	51,102,150,000		-	-	-
	Tổng cộng		53,351,540,000	(418,990,000)	52,932,550,000	71,500	2,249,390,000	(1,091,090,000)	1,158,300,000

(1) Công ty Cổ phần Địa ốc HAI chuyển tiền mua cổ phiếu của 2 cá nhân (2 cá nhân này sở hữu cổ phần tại Công ty CP Hóa chất và vật tư khoa học kỹ thuật) vào ngày 18/4/2016, tuy nhiên tại thời điểm kiểm toán hợp đồng chưa hoàn tất.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn	521,813,660,559	(26,478,100,155)	714,374,137,190	(26,478,100,155)
<i>a Phải thu khách hàng không là các bên liên quan</i>	<i>520,972,974,559</i>	<i>(26,478,100,155)</i>	<i>713,748,293,290</i>	<i>(26,478,100,155)</i>
- Công ty Cổ phần Nông dược HAI				
Branch of Hai agrochem joint stock company	17,245,635,157		8,348,784,034	
Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi spotlight	22,143,158,500		28,343,158,500	
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tạp phẩm	13,344,520,000		13,344,520,000	
Công ty cổ phần Hiệp Phú	18,935,292,340		18,935,292,340	
Công ty CP Long Hiệp	30,204,781,499		1,994,244,250	
Công ty TNHH SX TM DV bột mỳ Thủ Đức	17,951,363,160		17,951,363,160	
Cửa hàng Nguyễn Văn Ka	12,085,760,000		14,111,240,000	
Cửa hàng phân bón thuốc trừ sâu Phạm Thị Thu Bảy	8,895,947,848		1,459,526,247	
Cửa hàng vật tư nông nghiệp Nhựt Thông	23,832,281,942		20,347,535,015	
Cửa hàng vật tư nông nghiệp Văn Lang	13,382,604,724		12,871,167,005	
Cửa hàng VTNN Phạm Thị Xuyên	18,334,366,200		23,253,515,281	
Đại lý Đặng Thanh Tùng	8,813,060,939		5,570,580,420	
Đại lý Lâm Tuyên	8,857,882,600		7,797,846,000	
Hoàng Thị Thu Hà	11,992,500,000		11,992,500,000	
Trịnh Thị Thanh Huyền	15,007,500,000		15,007,500,000	
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp	11,600,788,080	(6,534,365,141)	11,723,458,531	(6,534,365,141)
Cửa hàng VTNN Thanh Nga	7,188,613,780	(5,100,480,082)	7,188,613,780	(5,100,480,082)
Cagrochem Company Limited	7,817,610,049		10,361,499,201	
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn	-		11,536,170,000	
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển FLC Vĩnh Phúc	6,000,000		69,006,000,000	
Công ty CP Hóc Môn	7,669,146,895		13,272,418,245	
Cửa hàng vật tư nông nghiệp Phạm Trường Giang	5,775,676,027		8,793,180,852	
Đối tượng khác	216,947,371,465	(14,843,254,932)	196,551,042,156	(14,843,254,932)

	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển FLC Vĩnh Phúc	6,000,000	-	69,006,000,000	-
	Phải thu các khách hàng khác	498,025,861,206	(26,478,100,155)	460,755,155,017	(26,478,100,155)
-	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.				
	Đại Lý Thiên Thanh	921,272,149		1,000,228,703	
	Công ty TNHH TM và DV Vận Tải Duyên Hoa	823,774,894		182,101,686	
	Công Ty TNHH Sáu Gạo	740,134,488		1,054,711,237	
	Võ Thị Như Anh	690,221,476		656,076,535	
	Nguyễn Đình Tánh	683,246,090		682,779,372	
	Doanh Nghiệp Tư Nhân Nông Nghiệp Hiệp Thành	558,595,601		759,317,601	
	Đại lý VTNN Thanh Hương	551,610,892		-	
	Đại Lý VTNN Lan Ưu	515,629,039		379,828,110	
	Đại Lý Bảo Quốc	507,487,131		417,228,439	
	Các đối tượng khác	16,492,830,294		11,622,502,291	
-	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.				
	Công ty Cổ phần Xây dựng Faros	-	-	2,776,053,000	-
	Công ty TNHH Newland Holding Việt Nam	456,311,299	-	164,456,311,299	-
-	Công ty TNHH SX & TM HAI Long An				
b	Phải thu khách hàng là các bên liên quan	840,686,000	-	625,843,900	-
-	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An				
	Công ty CP công nghệ OTP FLC Việt Nam	15,620,000		31,843,900	
-	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.				
	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn FLC	825,066,000		594,000,000	-
	Cộng	521,813,660,559	(26,478,100,155)	714,374,137,190	(26,478,100,155)
5.	Trả trước cho người bán				
		Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Trả trước khách hàng ngắn hạn	56,107,902,465	-	32,057,365,062	-
a	Trả trước khách hàng không là các bên liên quan	56,107,902,465	-	32,057,365,062	-

-	Công ty Cổ phần Nông dược HAI				
	Công ty TNHH Thương mại - Kỹ thuật Song Hiệp Lợi	-	-	4,100,824,500	-
	Công ty TNHH Thiết kế xây dựng TM Kiến Gia Thành	161,851,800	-	3,886,567,161	-
	Công ty TNHH Công nghệ môi trường nông lâm	4,769,362,350	-	1,836,000,000	-
	Công ty Cổ phần Cơ điện Tam Phát	4,956,490,368	-	1,485,938,750	-
	Công ty TNHH Xây dựng Kiến Nguyên	8,293,602,400	-	2,362,200,000	-
	Khách hàng khác	13,382,306,370	-	16,655,515,309	-
-	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An				
	Công ty TNHH Xây Dựng Kiến Nguyên	7,000,000,000	-	-	-
	Công ty TNHH Công Nghệ Môi Trường Nông Lâm	4,000,000,000	-	-	-
	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Ship Cons	1,800,000,000	-	-	-
	Công ty Cổ Phần Cơ Điện Tam Phát	3,200,000,000	-	-	-
	Công ty TNHH SX TM DV Cơ Khí Việt Tâm	1,300,000,000	-	-	-
	Khách hàng khác	957,466,000	-	1,503,270	-
-	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.				
	Công ty TNHH xây dựng Kiến Nguyên	6,286,823,177	-	1,728,816,072	-
b	Trả trước khách hàng là các bên liên quan	-	-	-	-
6.	Phải thu khác				
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
6.1	Phải thu khác ngắn hạn	8,253,783,432	-	38,136,281,260	-
a	Phải thu khác - TK 138	965,935,968	-	31,130,170,862	-
	Phải thu khác các bên không liên quan	349,345,125	-	170,653,054	-
	<i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>				
	+ Công ty CP BVTV Sài Gòn: (Cổ tức)	71,500,000	-	-	-
	+ Lãi tiền gửi dự thu	140,042,228	-	-	-
	+ Phải thu các đối tượng khác	127,817,639	-	157,493,281	-
	<i>Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.</i>	-	-	1,338,025	-
	<i>Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.</i>	6,500,000	-	8,600,000	-
	<i>Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An</i>	3,485,258	-	3,221,748	-

	<i>Phải thu khác các bên liên quan</i>	616,590,843	-	30,959,517,808	-
	<i>Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.</i>				
	Cty Cổ phần đầu tư địa ốc ALASKA	616,590,843	-	30,959,517,808	-
b	<i>Phải thu về tạm ứng</i>	7,256,847,464	-	6,738,229,200	-
	<i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>	6,469,111,382	-	6,056,990,300	-
	<i>Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.</i>	258,123,448	-	373,740,990	-
	<i>Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.</i>	496,612,634	-	234,497,910	-
	<i>Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An</i>	33,000,000	-	73,000,000	-
b	<i>Phải thu về ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	31,000,000	-	267,881,198	-
	<i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>	31,000,000	-	267,881,198	-
6.2	Phải thu khác dài hạn	10,000,000	-	10,000,000	-
	<i>Phải thu về ký quỹ, ký cược dài hạn</i>				
	Ký quỹ Taxi Vinasun	3,000,000	-	3,000,000	-
	Ký quỹ Taxi Mailinh	3,000,000	-	3,000,000	-
	Ký quỹ Công ty Điện lực Thanh Hóa	4,000,000	-	4,000,000	-
6.3	Tài sản thiếu chờ xử lý				
	<i>Hàng tồn kho</i>	2,187,243,138		2,187,243,138	
	<i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>	2,185,169,138		2,185,169,138	
	<i>Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An</i>	2,074,000		2,074,000	
7.	Hàng tồn kho		Số cuối kỳ		Số đầu kỳ
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Nguyên liệu vật liệu	1,521,057,891		10,367,329,364	
	Chi phí SXKD dở dang	19,504,010,299		4,924,730,412	
	Thành phẩm	129,455,455		18,517,954,511	
	Hàng hóa (giá mua và chi phí thu mua)	33,841,108,760		383,099,056,972	
	Hàng hóa bất động sản	759,951,351,703		472,360,212,729	
	Hàng gửi bán	105,578,633,876		28,515,236,870	
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	920,525,617,984	-	917,784,520,858	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định						
Số dư đầu kỳ	42,571,226,027	6,743,843,558	24,790,613,073	650,013,121	132,454,560	74,888,150,339
- Mua trong kỳ	-	-	1,409,235,454	928,317,000	212,445,000	2,549,997,454
- XDCB hoàn thành	1,627,735,122	-	-	-	-	1,627,735,122
- Tăng khác	9,648,325	-	-	-	-	9,648,325
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác do hợp nhất	6,328,630	-	-	-	-	6,328,630
Số dư cuối kỳ	44,202,280,844	6,743,843,558	26,199,848,527	1,578,330,121	344,899,560	79,069,202,610
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	10,774,061,468	5,898,713,388	12,134,254,354	306,778,401	7,402,586	29,121,210,197
- Khấu hao trong kỳ	1,163,894,581	165,154,535	1,303,831,360	126,950,886	37,801,320	2,797,632,682
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác do hợp nhất	17,287,084	-	-	-	-	17,287,084
Số dư cuối kỳ	11,920,668,965	6,063,867,923	13,438,085,714	433,729,287	45,203,906	31,901,555,795
Giá trị còn lại của TSCĐ						
- Tại ngày đầu kỳ	31,797,164,559	845,130,170	12,656,358,719	343,234,720	125,051,974	45,766,940,142
- Tại ngày cuối kỳ	32,281,611,879	679,975,635	12,761,762,813	1,144,600,834	299,695,654	47,167,646,815

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy tính, website	Giấy phép và giấy nhượng quyền	TSCĐVH khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định							
Số dư đầu năm	67,724,278,632	593,310,000	1,621,260,478	2,015,003,321	454,402,000	1,353,957,570	73,762,212,001
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	67,724,278,632	593,310,000	1,621,260,478	2,015,003,321	454,402,000	1,353,957,570	73,762,212,001
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	8,483,185,067	201,031,965	1,596,206,911	1,855,038,630	90,880,392	194,533,054	12,420,876,019
- Khấu hao trong năm	635,858,490	39,868,122	25,053,567	22,389,816	22,720,098	22,123,230	768,013,323
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác do hợp nhất	1,094,803	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	9,117,948,754	240,900,087	1,621,260,478	1,877,428,446	113,600,490	216,656,284	13,187,794,539
Giá trị còn lại của TSCĐ							
- Tại ngày đầu năm	59,241,093,565	392,278,035	25,053,567	159,964,691	363,521,608	1,159,424,516	61,341,335,982
- Tại ngày cuối năm	58,606,329,878	352,409,913	-	137,574,875	340,801,510	1,137,301,286	60,574,417,462

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

10. Chi phí XDCB dở dang:	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	23,713,739,916	1,155,692,397
Công ty TNHH HAI Quy Nhơn (Cp đăng ký tên hàn	70,800,000	46,000,000
Cộng	23,784,539,916	1,201,692,397
11. Chi phí trả trước	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
11.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	10,224,434,308	3,025,516,971
Chi phí trả trước ngắn hạn thuê văn phòng	394,551,880	210,315,584
Chi phí trả trước ngắn hạn thuê dịch vụ	7,035,959	129,375,876
Chi phí trả trước bảo hiểm	280,384,266	375,950,692
Chi phí trả trước sửa chữa, phụ tùng thay thế và CCD	607,628,295	2,092,268,506
Chi phí trả trước khác	8,934,833,908	217,606,313
11.2 Chi phí trả trước dài hạn	7,626,338,546	3,713,402,068
Phí lệ phí trả trước cho nhiều năm	102,026,607	384,606,679
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	2,936,644,558	1,546,387,796
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	4,265,077,605	1,706,326,343
Chi phí trả trước dài hạn khác	322,589,776	76,081,250
11.3 Lợi thế thương mại	6,648,416,787	7,017,773,275
<i>LTTM mua Công ty HAI - Long An</i>	<i>6,648,416,787</i>	<i>7,017,773,275</i>
12. Vay và nợ thuê tài chính (phụ lục 01)		
13. Phải trả người bán	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả người bán ngắn hạn	135,025,633,805	356,093,044,799
a Phải trả người bán không là các bên liên quan	130,086,682,805	351,121,740,999
- Công ty Cổ phần Nông Dược HAI		
Dow Agrosiences (Malaysia) SDN BHD	-	101,965,787,070
Công ty TNHH DEKALB Việt Nam	20,970,000,000	2,189,173,400
Coromadel International Limited	14,168,517,600	
Khách hàng khác	59,063,643,117	46,663,636,595
- Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An		
Công ty TNHH Minh Long		9,075,000
DNTN Phượng Nghi	4,500,002	
- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.		

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Công ty Cổ phần AMD Group	16,420,140,000	16,420,140,000
Công ty Đầu tư tài chính và quản lý tài sản RTS	6,175,766,481	6,175,766,481
Công ty TNHH Đầu tư thương mại và XNK Viettex	3,690,923,923	167,690,923,923
Công ty TNHH Xuân Hiếu	34,729,993	440,693,020
Phải trả khác	298,755,000	135,752,600
- Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn		
Công ty Cổ Phần Đồng Xanh	7,891,233,645	8,321,275,501
Khách hàng khác	1,368,473,044	1,109,517,409
b Phải trả người bán là các bên liên quan	4,938,951,000	4,971,303,800
- Công ty Cổ phần Nông Dược HAI		
Công ty cổ phần liên doanh đầu tư Quốc Tế KLF	102,801,000	23,405,800
- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI		
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	4,836,150,000	4,934,000,000
Công ty Cổ phần liên doanh đầu tư quốc tế KLF	-	13,898,000
- Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An		

Tất cả các khoản phải trả trên đều là nợ trong hạn và Công ty có khả năng thanh toán

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước - phụ lục 2**15. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	681,491,830	846,541,325
Chi phí khác	2,338,080,555	2,125,988,889
Cộng	3,019,572,385	2,972,530,214

16. Các khoản phải trả khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngắn hạn	4,149,251,559	2,644,485,467
Kinh phí Công Đoàn	91,233,176	28,026,056
Bảo hiểm xã hội	369,606,746	223,818,786
Bảo hiểm Y Tế	60,203,250	38,737,980
Bảo hiểm thất nghiệp	26,757,000	17,216,880
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	2,245,564,000	2,245,564,000
Công ty cổ phần Long Hiệp	55,346,469	55,346,469
Công ty mua bán nợ & TSTD của DN- CN TPHCM	8,500,000	8,500,000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Monsanto Thailan Limited	1,263,740,915	23,869,392
Phải trả khác	24,894,099	0
Dư có TK138	3,405,904	3,405,904
17. Doanh thu chưa thực hiện	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	-	21,945,681
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI	15,712,574,717	6,160,048,182
Cộng	15,712,574,717	6,181,993,863
18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả:	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	625,438,896	456,238,436
Cộng tài sản thuế thu nhập DN hoãn lại	625,438,896	456,238,436
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	336,734,139	275,015,789
Cộng thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	336,734,139	275,015,789

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

18. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	1,172,993,140,000	37,118,490,021	218,314,659	18,066,106,557	23,783,462,570	1,252,179,513,807
- Tăng vốn trong năm trước						-
- Lãi trong năm trước					43,483,801,852	43,483,801,852
- Tăng khác			18,247,950,064		12,324,743,176	30,572,693,240
- Giảm khác năm trước		154,000,000		18,066,106,557	14,190,537,773	32,410,644,330
2. Số dư cuối năm trước	1,172,993,140,000	36,964,490,021	18,466,264,723	-	65,401,469,825	1,293,825,364,569
3. Số dư đầu kỳ này	1,172,993,140,000	36,964,490,021	18,466,264,723	-	65,401,469,825	1,293,825,364,569
- Tăng vốn trong kỳ này						-
- Lãi trong kỳ					30,611,197,611	30,611,197,611
- Tăng khác do hợp nhất					300,998	300,998
- Tăng khác			9,810,220,474			9,810,220,474
- Giảm do trích lập quỹ KTPL trong kỳ					16,395,765,576	16,395,765,576
- Giảm khác trong kỳ			20,000,000		598,320,793	618,320,793
4. Số dư cuối năm	1,172,993,140,000	36,964,490,021	28,256,485,197	-	79,018,882,065	1,317,232,997,283

Note: Năm trước kỳ kế toán của đơn vị được tính từ 1/10/2014 đến 31/12/2015

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vốn góp của các cổ đông	1,172,993,140,000	1,172,993,140,000
Cộng	1,172,993,140,000	1,172,993,140,000
C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:		
	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	1,172,993,140,000	1,172,993,140,000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1,172,993,140,000	1,172,993,140,000
D. Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	117,299,314	117,299,314
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	117,299,314	117,299,314
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	117,299,314	117,299,314
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	117,299,314	117,299,314
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	117,299,314	117,299,314
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	
Đ. Các quỹ doanh nghiệp	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Quỹ đầu tư phát triển	28,256,485,197	18,466,264,723
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VND)		
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán, VT, hàng hóa, thành phẩm	632,307,239,990	794,009,210,066
Doanh thu xây dựng	1,000,001,059	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,802,329,481	26,355,016,232
Cộng	635,109,570,530	820,364,226,298
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	33,561,600
+ Hàng bán bị trả lại	-	33,561,600
3. Giá vốn hàng bán	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	532,209,174,718	698,667,807,504
Giá vốn xây dựng	960,902,632	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1,653,062,288	19,225,917,323
Cộng	534,823,139,638	717,893,724,827

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

4. Doanh thu hoạt động tài chính		Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng		179,538,538	306,404,862
Lãi cho vay		12,393,072,651	19,294,891,258
Lãi chênh lệch tỷ giá		1,799,157,046	479,951,745
Cổ tức, lợi nhuận được chia		2,011,500,000	380,283,797
Cộng		16,383,268,235	20,461,531,662
5. Chi phí hoạt động tài chính		Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay		16,861,848,891	4,119,503,998
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã phát sinh trong kỳ		99,459,520	3,484,790,910
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại		1,199,222	528,222,444
Hoàn nhập, trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư n		(672,100,000)	5,408,923,156
Chi phí tài chính khác		10,000,000	-
Lãi nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Địa Ốc Hai		-	-
Cộng		16,300,407,633	13,541,440,508
6. Chi phí bán hàng		Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên		19,734,415,869	23,598,174,941
Chi phí vật liệu, bao bì, CCDC		1,611,755,264	1,709,979,158
Chi phí khấu hao TSCĐ		2,442,535,523	2,301,832,718
Chi phí dịch vụ mua ngoài		13,457,296,600	8,821,489,675
Chi phí bằng tiền khác		20,947,800,331	23,326,381,440
Cộng		58,193,803,587	59,757,857,932
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý		6,374,742,841	5,966,671,106
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng		975,489,407	379,417,729
Chi phí KH TSCĐ		643,660,940	365,559,978
Chi phí, phí lệ phí		268,848,397	131,506,005
Phân bổ lợi thế thương mại		369,356,488	-
Chi phí trích lập dự phòng		-	1,503,639,756
Chi phí dịch vụ mua ngoài		1,777,048,338	8,033,549,412
Chi phí bằng tiền khác		1,392,553,340	1,413,463,325
Cộng		11,801,699,751	17,793,807,311
8. Thu nhập khác		Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng		7,797,292,000	7,979,636,550
Thu thanh lý tài sản		-	5,788,338
Thu khác		83,393,213.00	585,844,612
Cộng		7,880,685,213	8,571,269,500

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

9. Chi phí khác	Kỳ này	Kỳ trước
Thuế TNDN nộp bổ sung trước 2010	-	6,843,993,021
Nộp phạt	159,695,140	56,000,000
Chi phí khác	178,514,006	70,711,593
Cộng	338,209,146	6,970,704,614
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7,413,408,450	8,523,190,989
Cộng	7,413,408,450	8,523,190,989
Chi phí thuế TNDN hiện hành là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016 và sẽ được điều chỉnh khi công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp vào cuối năm tài chính.		
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	683,081,103,202	878,903,929,965
Chi phí CCDC, đồ dùng	3,055,783,236	2,089,396,887
Chi phí nhân viên	28,608,046,893	30,488,456,092
Chi phí khấu hao TSCĐ	3,477,249,445	3,184,627,862
Thuế, phí, lệ phí	268,848,397	131,506,005
Trích lập dự phòng	-	1,503,639,756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28,964,608,038	38,490,488,333
Chi bằng tiền khác	21,901,649,581	25,436,662,597
Cộng	769,357,288,792	980,228,707,497
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30,611,197,611	24,527,471,094
Số cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	117,299,314	34,799,982
Số cổ phiếu phát hành thêm	-	67,199,973
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	117,299,314	52,181,893
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	261	470
VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)		
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.		
Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.		
1. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	Kỳ này	
	36,911,689,089	

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Thu hỗ trợ bán hàng	7,749,643,304
Thu lại tiền người bán	11,741,911,400
Tiền ký quỹ, ký cược	410,880,528
Thu tạm ứng	1,141,116,626
Thu kinh phí công đoàn, BHXH	178,312,670
Các khoản thu khác	15,689,824,561
2. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	47,712,341,496
Chi nộp thuế GTGT nội địa	586,188,439
Chi nộp thuế GTGT nhập khẩu	8,660,835,817
Chi nộp thuế nhập khẩu	3,063,964,990
Chi nộp thuế môn bài, TNCN, thuế khác	1,014,608,346
Chi tạm ứng	7,388,073,503
Chi nộp bảo hiểm, KPCĐ	3,259,484,572
Chi ký quỹ, ký cược	281,358,000
Chi khen thưởng phúc lợi	1,014,636,072
Chi nộp phạt	171,780,433
Chi khác	22,271,411,324

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
- Tiền và các khoản tương đương tiền	34,261,891,066	34,261,891,066
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	586,175,346,456	561,884,489,439

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Công nợ tài chính tại**30/06/2016**

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	135,025,633,805	-	135,025,633,805
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4,149,251,559	-	4,149,251,559
Chi phí phải trả	3,019,572,385	-	3,019,572,385
Vay và nợ thuê tài chính	513,219,848,311	16,000,000,000	529,219,848,311

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

2. Thông tin về các bên liên quan khác**2.1 Ngoài danh sách các thành viên trong HĐQT, BGD và BKS các bên có liên quan khác bao gồm:**

Tên tổ chức/cá nhân có liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .	Công ty con
Công ty TNHH SX & Thương mại HAI - Long An	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	Cổ đông lớn; Mr Vinh là Phó chủ tịch; Trần Thế Anh là Phó TGD; Nguyễn Bình Phương TV BKS
Công ty Cổ phần liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF	Công ty liên kết của FLC ; Lê Văn Säck và Nguyễn Bình Phương là TV BKS; Trần Thế Anh là TV HĐQT; Nguyễn Thiện Phú là TBKS
Công ty Cổ phần Công nghệ OTP FLC Việt Nam	Công ty con của tập đoàn FLC

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Công ty Cổ phần Địa Ốc Alaska

Công ty con của tập đoàn FLC

Công ty CP Hóa chất và vật tư khoa học kỹ thuật

Ông Trần Thế Anh là CT HĐQT

Ông Phạm Văn Nùng

Cổ đông lớn

2.2. Doanh thu bán hàng và CCDV

Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn

Kỳ này

19,060,212,984

Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Địa ốc HAI (TK515)

10,987,549,872

Công ty TNHH SX và TM HAI - Long An

3,027,363,750

Công ty Cổ phần FLC (HAI Quy Nhơn bán)

941,820,000

Công ty CP liên doanh đầu tư quốc tế KLF

16,125,000,000

Cộng**35,185,212,984****2.3. Mua hàng hóa dịch vụ**

Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn

Kỳ này

2,922,670,800

Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Địa ốc HAI

1,000,001,059

Công ty CP liên doanh đầu tư quốc tế KLF

196,477,727

Cộng**4,119,149,586****2.4. Đầu tư**

Công ty CP Hóa chất và Vật tư khoa học kỹ thuật

Kỳ này

51,102,150,000

Cộng**51,102,150,000**

Note: Công ty CP Hóa chất và vật tư khoa học kỹ thuật Mr Trần Thế Anh là TV BKS của HAI đồng thời là CT HĐQT của Công ty CP Hóa chất và vật tư khoa học kỹ thuật. Số cổ phiếu được mua lại từ 2 cá nhân là Lê Trường Sơn và Nguyễn Bình Phương (Nguyễn Bình Phương là ủy viên của HAI). Số cổ phần mua là 340.681 CP. Giá mua 150.000 đồng/ cổ phần.

2.5 Các khoản phải thu**Tại ngày 30/06/2016 Tại ngày 01/01/2016**

Công ty Cổ phần Công nghệ OTP FLC Việt Nam

15,620,000

31,843,900

Công ty Cổ phần Địa Ốc Alaska

616,590,843

30,959,517,808

Công ty Cổ phần tập đoàn FLC

825,066,000

594,000,000

2.6 Các khoản phải trả**Tại ngày 30/06/2016 Tại ngày 01/01/2016**

Công ty Cổ phần tập đoàn FLC

4,836,150,000

4,934,000,000

Công ty Cổ phần liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF

102,801,000

37,303,800

2.7 Đầu tư khác**Tại ngày 30/06/2016 Tại ngày 01/01/2016**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Công ty Cổ phần Địa Ốc Alaska

- 282,500,000,000

2.8 Thu nhập HDQT và các thành viên chủ chốt**Kỳ này**

Thu nhập HDQT và các thành viên chủ chốt

1,355,683,736

3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp

Công ty có kinh doanh các mặt hàng chính sau:

- Thuốc bảo vệ thực vật
- Nguyên liệu
- Thuốc kích thích tăng trưởng
- Hạt giống
- Dịch vụ quảng cáo, khuyến mãi

Doanh thu bán hàng theo khu vực địa lý:**Kỳ này**

Bán hàng tại Việt Nam

621,434,351,214

Bán hàng tại Campuchia

13,675,219,316

Thông tin về kết quả kinh doanh, của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	KQKD theo bộ phận
Thuốc BVTV	542,946,988,205	454,212,625,730	88,734,362,475
Phân bón, thuốc kích thích tăng trưởng	26,778,439,495	18,398,913,372	8,379,526,123
Dung môi	338,392,400	305,651,718	32,740,682
Hàng nông sản	15,087,035,500	13,864,000,302	1,223,035,198
Giống	42,821,763,710	41,562,355,402	1,259,408,308
DV quảng bá khuyến mại	1,532,065,206	1,421,861,463	110,203,743
Khác	5,604,886,014	5,057,731,651	547,154,363
Các chi phí không phân bổ theo BP		-	69,995,503,338

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Cộng

69,995,503,338

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội và báo cáo cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 do đơn vị lập.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo

6. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Ngọc Út

Phạm Thanh Vương



Tổng Giám đốc

Quách Thành Đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM
 Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Phụ lục 01**12 Vay và nợ thuê tài chính**

Khoản mục	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
12.1 Vay ngắn hạn	503,719,848,311	503,719,848,311	525,881,901,723	501,689,331,609	479,527,278,197	479,527,278,197
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn - CN Phú Nhuận -VND (1)	41,571,237,290	41,571,237,290	44,901,237,290	31,212,408,250	27,882,408,250	27,882,408,250
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển nông thôn CN Sài Gòn-VND (2)	87,229,733,115	87,229,733,115	104,022,521,659	133,696,267,978	116,903,479,434	116,903,479,434
Ngân hàng ACB CN Ông Ích Khiêm-VND	-	-	-	43,261,255,000	43,261,255,000	43,261,255,000
Ngân hàng Shinhan VN- CNTPHCM -VND	9,260,147,370	9,260,147,370	9,260,147,370	25,767,660,591	25,767,660,591	25,767,660,591
Ngân hàng Natixis chi nhánh TP.HCM -VND	37,797,876,450	37,797,876,450	37,797,876,450	17,836,344,896	17,836,344,896	17,836,344,896
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN1-TPHCM- VND	71,688,418,161	71,688,418,161	71,688,418,161	99,596,568,135	99,596,568,135	99,596,568,135
Ngân hàng VIB Sài Gòn - VND	11,645,290,434	11,645,290,434	11,645,290,434	22,663,949,415	22,663,949,415	22,663,949,415
Ngân hàng CTBC-CN TPHCM - VND	-	-	-	-	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Ngân hàng TMCP Quân Đội - CNSGD2 TPHCM- VND (3)	50,000,000,000	50,000,000,000	50,007,031,259	49,377,966,939	49,370,935,680	49,370,935,680
Ngân hàng STANDARD CHARTERED VN - VND	-	-		4,798,105,165	4,798,105,165	4,798,105,165
Vay cá nhân (Văn phòng)	2,720,000,000	2,720,000,000	1,720,000,000		1,000,000,000	1,000,000,000
NHTMCP Tiên Phong - CNHCM PGD Bình Tây - VND	24,099,982,236	24,099,982,236	25,765,944,236	28,486,053,725	26,820,091,725	26,820,091,725
VIETCOMBANK-CN Sài Gòn - VND	9,056,389,208	9,056,389,208	9,056,389,208	42,376,479,906	42,376,479,906	42,376,479,906
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN HCM (4)	150,342,974,047	150,342,974,047	152,956,285,656	2,613,311,609	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp&PTNT CN Phú nhuận-USD	3,307,800,000	3,307,800,000	3,310,760,000	2,960,000		
Ngân hàng Sacombank CN Bình Định - VND (5)	2,000,000,000	2,000,000,000	750,000,000		1,250,000,000	1,250,000,000
Vay cá nhân (Qui Nhơn)	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000			
12.2 Vay dài hạn	9,500,000,000	9,500,000,000	9,500,000,000			
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Phú Nhuận - VND (6)	9,500,000,000	9,500,000,000	9,500,000,000			
Tổng cộng	513,219,848,311	513,219,848,311	535,381,901,723	501,689,331,609	479,527,278,197	479,527,278,197

(1) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1604-LAV-201600057 ngày 26/1/2016. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: cụ thể theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng. Lãi suất: 7%/năm tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng. Bảo đảm tiền vay: Không có bảo đảm bằng tài sản.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

- (2) Hợp đồng tín dụng nguyên tắc ngày 21/09/2015. Thời hạn vay: cụ thể tại theo từng lần giải ngân nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Biện pháp bảo đảm tiền vay: Cho vay không có tài sản đảm bảo. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh, bảo lãnh và thanh toán L/C.
- (3) Hợp đồng vay số ngày được thế chấp bằng tài khoản tiền gửi số 81.15.103-2355569.TG.CIB kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 5,4%, trị giá 5 tỷ đồng.
- (4) Hợp đồng hạn mức số 01/2016/3630041/HDTD ngày 31/3/2016. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất tại 358 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. HCM. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở L/C.
- Hợp đồng tín dụng LD1407600003 ngày 17/3/2014 sửa đổi bổ sung lần 2 vào ngày 04/05/2016 (hạn mức mới là 2 tỷ), thời hạn đến 17/3/2017. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản thế chấp: Toàn bộ công trình xây dựng trên đất tọa lạc tại thửa đất số 72 nhà kho và nhà làm việc, tờ bản đồ số 16, cụm công nghiệp Quang Trung - TP. Quy Nhơn và 03 ô tô:

Nội dung	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà kho và nhà làm việc	702,280,132	416,224,923
Xe ô tô bán tải cabin kép hiệu TOYOTA 5 chỗ	557,648,636	85,196,316
Xe ô tô tải thùng biển số 77C-02252	314,983,818	78,791,496
Xe tải thùng kín ISUZU loại NPR 85K	646,797,213	561,455,920

- Hợp đồng tín dụng số 1604-LAV-201600187 ngày 18/3/2016. Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định nhà máy Nông dược HAI. Thời hạn vay: 09 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay: Áp dụng theo hình thức lãi suất có điều chỉnh (lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: 8,5%/năm. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1604LDS201600146 ngày 18/3/2016 gồm: 02 Dây chuyền chiết rót SC: 7.296.750.000 VND; 01 dây chuyền chiết rót EC: 3.169.687.500 VND; 01 máy đóng gói bột dạng ngang, túi đôi: 1.454.175.000 VND; 02 thiết bị hút bụi cho máy đóng gói bột dạng ngang: 134.550.000 VND; 03 máy đóng gói dung dịch dạng ngang, túi đôi: 3.594.037.500 VND; 01 máy đóng gói hạt cốm: 1.863.000.000 VND. Tổng giá trị tài sản thế chấp: 21.517.650.000 VND.
- (6)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Phụ lục 02**14.1 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Nội dung		Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
a	Thuế GTGT	46,166,329	212,628,777	240,020,358	18,774,748
	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.		1,209,524	1,209,524	-
	Công ty TNHH SX & Thương mại HAI - Long An	46,166,329	211,419,253	238,810,834	18,774,748
b	Thuế TNDN	11,771,301,853	8,020,268,902	2,366,837,779	17,424,732,976
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	11,071,404,577	7,442,810,794	2,000,100,000	16,514,115,371
	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.	79,529,249	474,474,772	261,103,691	292,900,330
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .	569,556,990	102,983,336	54,823,051	617,717,275
	Công ty TNHH SX & Thương mại HAI - Long An	50,811,037		50,811,037	-
c	Thuế TNCN	171,583,873	1,299,799,589	1,191,586,555	279,796,907
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	125,970,871	1,222,774,105	1,093,632,657	255,112,319
	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.	38,560,680	30,759,473	53,887,786	15,432,367
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .	1,792,500	28,754,294	25,218,044	5,328,750
	Công ty TNHH SX & Thương mại HAI - Long An	5,259,822	17,511,717	18,848,068	3,923,471
d	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	4,564,368	4,564,368	-
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	-	263,550	263,550	-
	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.	-	4,300,818	4,300,818	-
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .	-			-

	Công ty TNHH SX & TM HAI - Long An	-			
<i>e</i>	Các loại thuế khác	-			-
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI		17,000,000	17,000,000	-
	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.		15,000,000	15,000,000	-
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.		2,000,000	2,000,000	-
	Công ty TNHH SX & TM HAI - Long An				-
	Cộng	11,989,052,055	9,554,261,636	3,820,009,060	17,723,304,631

14.2 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Nội dung		Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	Thuế GTGT	34,216,474	9,037,150,713	9,008,213,422	5,279,183
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	34,216,474	9,037,150,713	9,008,213,422	5,279,183
	Thuế XNK	26,344,435	3,063,964,990	3,063,964,990	26,344,435
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	26,344,435	3,063,964,990	3,063,964,990	26,344,435
	Thuế TNDN	-	-	15,030,991	15,030,991
	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An	-	-	15,030,991	15,030,991
	Cộng	60,560,909	12,101,115,703	12,087,209,403	46,654,609